

LF	Rank	Multiple	Current	Future
9	2.0	25	VH	VH
68	2.0	25	VH	VH
69	2.0	25	VH	VH
38	4.0	20	H	VH
7	5.5	15	M	VH
8	5.5	15	M	VH
6	9.0	12	M	H
25	9.0	12	M	H
36	9.0	12	M	H
37	9.0	12	M	H
50	9.0	12	M	H
70	12.0	6	L	M
3	13.0	3	VL	M
1	14.5	2	L	VL
39	14.5	2	VL	L
17	18.0	1	VL	VL
20	18.0	1	VL	VL
21	18.0	1	VL	VL
32	18.0	1	VL	VL
34	18.0	1	VL	VL